TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 1006/2024/HC-PT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Ngày 13 tháng 9 năm 2024	
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhựt Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 433/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc*"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2361/2024/QĐPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện**: Ông Trương Kim V (có mặt)

Địa chỉ: 9 N, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Kim V:

- Bà Nguyễn Thị Vân H (vắng mặt)

- Bà Trần Thị N (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: B Đường số F, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2**. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Minh T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thanh Q - Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T (có mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: I N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công D - Công chức Địa chính - Xây dựng phường P (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trương Kim V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và tại phiên tòa Người khởi kiện ông Trương Kim V có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Vân H trình bày:

Ông Trương Kim V yêu cầu Tòa án hủy các văn bản sau của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) Quận I (nay là UBND thành phố T): văn bản số 560/UBND-TNMT ngày 07/04/2014 "V/v trả lời đơn của ông Trương Kim V", văn bản số 2263/UBND-TNMT ngày 18/07/2017 "V/v trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V", văn bản số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 "V/v trả lời đơn khiếu nại của ông Trương Kim V" và văn bản số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 "V/v xử lý đơn kiến nghị của ông Trương Kim V đối với phần đất tại phường P, thành phố T" của UBND thành phố T.

Ông V rút lại yêu cầu khởi kiện về nội dung: Buộc U trả lại cho ông Trương Kim V diện tích đất 894,2m^2; Buộc UBND phường P bàn giao lại cho ông Trương Kim V diện tích đất 894,2 m^2.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện:

Về nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ ông V là ông Nguyễn Cao T1 và bà Trương Thị N1 mua từ những năm 1940, mua lại của một người Pháp diện tích đất khoảng 4ha, khi mua bán có tờ chứng minh và ông V đã gửi kèm theo đơn khởi kiện. Sau khi mua đất gia đình ông V đã xây nhà ở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây, chủ hộ là mẹ ông là bà Trương Thị N1, địa chỉ 517, Đường T, phường P, Quận I.

Năm 1960, bố ông V chết. Năm 1976 gia đình ông V đã bán đi 2ha cho Công ty X để sản xuất bê tông tươi. Số đất còn lại bán dần cho những người dân lân cận.

Tháng 7/1979 mẹ ông V vì lý do sức khỏe nên đã có giấy ủy quyền cho ông V được toàn quyền sử dụng nhà và đất nói trên. Việc ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương lúc bấy giờ.

Năm 1983 theo đề xuất của ông Lê Văn C (Tên bí danh trong kháng chiến là ông Sáu D1) là Chủ tịch UBND phường B (Nay là phường P) có đề xuất với ông cho đất để một số bộ đội xuất ngũ về đang gặp khó khăn về đất ở, ông V nhất trí cho 2 hộ gia đình là hộ ông Trần Văn M, số nhà C, Đường số I, Tổ F, khu phố B, phường P, thành phố T và hộ bà Nguyễn Thị Kim N2, số D, Đường số I, Tổ F, khu phố B, phường P, thành phố T. Cả hai hộ trên vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Cũng trong thời gian này ông Sáu D1 thấy còn diện tích đất chưa sử dụng nên hỏi mượn để cất tạm làm trường mầm non dạy xóa mù chữ cho trẻ em, chờ xã có quỹ đất xây dựng trường mới thì trả lại phần đất này cho ông V nên ông V nhất trí. Nhưng từ đó đến nay ông V thấy trên đất của ông V cho Ủy ban mượn để xây dựng trường mầm non vẫn là đất trống và chưa xây dựng trường lớp nào.

Ông V chỉ cho mượn đất để xây dựng trường mầm non và việc cho mượn không làm chấm dứt quyền sử dụng đất của ông V. Đến nay cơ quan nhà nước không có bất kì văn bản nào để thu hồi, quản lý sử dụng phần đất này. Do đó, phần đất này vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông V.

Ông V làm đơn gửi đến các cấp để xin lại phần diện tích mà ông V đã cho UBND xã P mượn để xây dựng trường mầm non (Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 7/DĐBĐ/2014 do công ty TNHH Đ ngày 1/3/2014 (hiện đã thất lạc), phần đất ông V xin lại có diện tích 894,2m^2 thuộc thửa đất số 238 (có trường mầm non trên đất) và một phần thửa đất số 250, tờ bản đồ số 6 (theo tài liệu 02/CT-UB); tương ứng với thửa 26, tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2003) phường P, quận I). Tuy nhiên, U căn cứ vào khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa M1 và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"*. Mà không trả lại đất cho gia đình ông V .

Ông V không đồng ý với việc trả lời nêu trên của U vì như đã trình bày ở trên, thửa đất này do cha mẹ ông V mua, có giấy tờ mua bán. Gia đình ông V đã xây nhà và sinh sống trên thửa đất này. Gia đình ông V chỉ cho mượn đất để xây dựng trường mầm non nhằm xóa nạn mù chữ theo lời đề nghị của Chủ tịch UBND xã P lúc bấy giờ. Việc U cho rằng yêu cầu của ông V là không có cơ sở để giải quyết là không đúng.

Ông V nhận được Công văn số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 của UBND thành phố T vào năm 2021 và Công văn số 2263/UBND-TNMT ngày 18/07/2017 của U vào năm 2017.

Riêng Công văn số 560/UBND-TNMT ngày 07/04/2014 của U và Công văn

số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 của U, ông V không nhận được nên đến khi Tòa án yêu cầu ông V phải công chứng, chứng thực hợp pháp các văn bản khởi kiện thì ông V mới đi xin trích lục tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. (Theo đơn đề nghị ngày 21/9/2022 của ông Trương Kim V gửi Tòa án nhân dân Thành phố)

Người bị kiện UBND thành phố T (vắng mặt) có Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Thanh Q trình bày:

Tháng 01/2014, ông Trương Kim V gửi đơn đến U kiến nghị xin lại phần đất diện tích 894,2m^2 thuộc thửa 238 và một phần thửa 250 tờ bản đồ số 6 (tài liệu 02/CT-UB), tương ứng thửa 26 tờ bản đồ số 22 (tài liệu 2003) phường P, Quận I.

Ngày 07/4/2014, U đã có Công văn số 560/UBND- TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V thể hiện nội dung:

"Phần đất diện tích 894,2m^2 có nguồn gốc trước năm 1975 do ông Nguyễn Cao T1 (cha của ông Trương Kim V) quản lý sử dụng. Sau năm 1975, do Ủy ban nhân dân xã P quản lý sử dụng, thuộc đất công (theo Báo cáo đất số 36/UBND ngày 22/02/2006 của Ủy ban nhân dân phường P).

Theo tài liệu 299/TTg, phần đất thuộc một phần thửa 25 tờ bản đồ số 4 do Ủy ban nhân dân xã P đăng ký.

Theo tài liệu 02/CT-UB, phần đất thuộc thửa 228 và 250 tờ bản đồ số 6 không có người đăng ký sử dụng.

Theo tài liệu năm 2003, phần đất thuộc thửa 26 tờ bản đồ số 22 do Trường Mầm non P quản lý sử dụng.

Hiện trạng phần đất trên thuộc Phân hiệu Trường Mầm non P1 quản lý và được quy hoạch xây dựng trụ sở Công an phường P theo Văn bản số 57/UBND-TNMT ngày 10/01/2007 của Ủy ban nhân dân Quận U về việc thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng 7 trụ sở Công an Phường trên địa bàn Quận I.

Căn cứ Khoản 2, Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003 quy định:"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N3 dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam và N3";

Do đó, việc ông Trương Kim V kiến nghị xin lại phần đất nêu trên là không có cơ sở để xem xét giải quyết".

Không đồng ý với nội dung trên, ông Trương Kim V tiếp tục gửi đơn kiến nghị đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H và U.

Từ những cơ sở nêu trên, việc U có Công văn số 2263/UBND-TNMT ngày 18/7/2017, Công văn số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 và UBND thành phố T có Công văn số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 là phù hợp với quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T (Vắng mặt).

Tại văn bản số 772/UBND ngày 05/12/2023 "V/v báo cáo nguồn gốc đất" có nội dung: UBND phường P thống nhất giữ nguyên nội dung Báo cáo nguồn gốc đất theo công văn số 36/UBND ngày 22/02/2006 của UBND phường P, UBND phường P chưa tìm được Công văn số 36/UBND ngày 22/02/2006 để gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

UBND phường P vắng mặt khi Tòa án triệu tập, vắng mặt khi Tòa án tiến hành đối thoại nên Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ đương sự.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Kim V về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 560/UBND- TNMT ngày 07/4/2014 "Vv trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" của Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy các văn bản sau của ông Trương Kim V:

- Văn bản số 2263/UBND-TNMT ngày 18/07/2017 "V/v trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" của Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Văn bản số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 "V/v trả lời đơn khiếu nại của ông Trương Kim V" của Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Văn bản số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 "V/v xử lý đơn kiến nghị của ông Trương Kim V đối với phần đất tại phường P, thành phố T" của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/01/2024, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện ông

Trương Kim V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trương Kim V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Tháng 01/2014, ông Trương Kim V gửi đơn đến U kiến nghị xin lại phần đất diện tích 894,2m^2 thuộc thửa 238 và một phần thửa 250 tờ bản đồ số 6 (tài liệu 02/CT-UB), tương ứng thửa 26 tờ bản đồ số 22 (tài liệu 2003) phường P, Quận I, vì đất có nguồn gốc do cha mẹ ông làm chủ trước năm 1975, sau cho chính quyền địa phương mượn sử dụng.

Ngày 07/4/2014, U đã có văn bản số 560/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V, xác định kiến nghị của ông V xin lại đất là không có cơ sở giải quyết.

Sau khi nhận văn bản số 560/UBND-TNMT, ông V đã tiếp tục khiếu nại và yêu cầu trả lại đất đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, vụ việc được UBND Thành phố H giao cho Sở T tham mưu giải quyết. Sở T đã tiến hành xác minh vụ việc tại U, thu thập tài liệu, báo cáo UBND Thành phố H nhưng đến năm 2022 vẫn chưa có kết quả giải quyết. Cũng trong thời gian này, ông V tiếp tục gửi đơn xin lại đất đến nhiều cơ quan khác, các đơn này được chuyển đến U, do vậy U đã ban hành các văn bản: Văn bản số 2263/UBND-TNMT ngày 18/07/2017 "V/v trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" xác định vụ việc đang được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố giải quyết và xử lý xếp lưu đơn, Văn bản số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 "V/v trả lời đơn khiếu nại của ông Trương Kim V" trả lời việc khiếu nại Văn bản số 3682/UBND-TNMT ngày 16/11/2017 của U không thuộc trường hợp được thụ lý giải quyết khiếu nại vì Văn bản số 3682/UBND-TNMT ngày 16/11/2017 là văn bản nội bộ trong cơ quan Nhà nước (có nội dung trả lời xác minh vụ việc, báo cáo vụ việc cho Sở T) và văn bản số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 "V/v xử lý đơn kiến nghị của ông Trương Kim V đối với phần đất tại phường P, thành phố T" của UBND thành phố T có nội dung thông tin, giải thích, hướng dẫn cho ông V liên hệ Sở T để được thông tin kết quả giải quyết khiếu nại, kiến nghị.

Xét thấy, các Văn bản số 2263/UBND-TNMT ngày 18/07/2017 "V/v trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V", Văn bản số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 "V/v trả lời đơn khiếu nại của ông Trương Kim V" và văn bản số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 "V/v xử lý đơn kiến nghị của ông Trương Kim V đối với phần đất tại phường P, thành phố T" chỉ mang tính chất thông tin, hướng dẫn cho ông V biết về việc khiếu nại, kiến nghị của ông đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V và cũng không làm phát sinh, thay đổi nghĩa vụ pháp lý nào đối với ông V nên không phải là đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông V đối với các văn bản nêu trên là đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính.

[2.2]. Xét Văn bản số 560/UBND- TNMT ngày 07/4/2014 "Vv trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" của U.

[2.2.1] Về thẩm quyền ban hành: U ban hành Văn bản số 560/UBND-TNMT ngày 07/4/2014 "Vv trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" trả lời yêu cầu của ông V là không có cơ sở xem xét là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[2.2.2]. Về nội dung.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đ, Tư vấn V1 năm 2014 (do ông V cung cấp) thì phần đất diện tích 894,2m^2 ông V có kiến nghị xin lại thuộc thửa 238 và một phần thửa 250, tờ bản đồ số 6 (tài liệu 02/CT-UB), tương ứng thửa 26, tờ bản đồ số 22 (tài liệu 2003) phường P, Quận I.

Theo tài liệu 299/TTg, phần đất thuộc một phần thửa 25 tờ bản đồ số 4 do UBND xã P đăng ký.

Theo tài liệu 02/CT-UB, phần đất thuộc thửa 228 và 250 tờ bản đồ số 6 không có người đăng ký sử dụng.

Theo tài liệu năm 2003, phần đất thuộc thửa 26 tờ bản đồ số 22 do Trường Mầm non P quản lý sử dụng.

Hiện trạng phần đất trên thuộc Phân hiệu Trường Mầm non P1 quản lý và được quy hoạch xây dựng trụ sở Công an phường P theo Văn bản số 57/UBND-TNMT ngày 10/01/2007 của Ủy ban nhân dân Quận U về việc thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng 7 trụ sở Công an Phường trên địa bàn Quận I. Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đ, Tư vấn V1 năm 2014 (do ông V cung cấp) và Văn bản số 1495/UBND-TNMT ngày 15/7/2015 " V/v báo cáo giải quyết đơn của ông Trương Kim V" của U gửi Sở T, đều thể hiện phần đất có diện tích 894,2m^2 có hiện trạng sử dụng: khu 1 nhà tường tôn, có phòng học của Trường Mầm non P (nay là Trường mầm non H1); khu 2 sân xi măng, khu 3 đất trống.

Ngày 10/01/2007, phần đất trên được dự kiến xây dựng trụ sở Công an phường P theo Văn bản số 57/UBND-TNMT của U về việc thỏa thuận địa điểm

đầu tư xây dựng 7 trụ sở Công an phường trên địa bàn Quận I. Tuy nhiên, Bộ C1 chưa bố trí kinh phí xây dựng nên Trường Mầm non H1 tiếp tục hoạt động cho đến đầu năm 2014, phòng học xuống cấp nên T2 đã di dời các trẻ mầm non về học tại cơ sở chính là Trường Mầm non H1 đặt tại đường Đ, phường P, Quận I. Do hiện nay Quận I đang thiếu phòng học cho trường Mầm non nên U đang có chủ trương đầu tư xây dựng mới trường Mầm non tại địa điểm trên.

Tại Văn bản số 560/UBND-TNMT ngày 07/4/2014 "V/v trả lời đơn của ông Trương Kim V" và Văn bản số 1861/UBND-TNMT ngày 06/10/2014 "V/v báo cáo việc giải quyết đơn kiến nghị xin lại đất của ông Trương Kim V" gửi Văn phòng T3, xác định phần đất ông V kiến nghị xin lại có diện tích 894,2m^2. Trước năm 1975, đất do ông bà Nguyễn Cao T1 và Trương Thị N1 sử dụng (Ủy ban nhân dân xã P, nay là phường P không có lưu giữ tài liệu bản đồ, sổ bộ trước năm 1975). Sau năm 1975, khoảng năm 1977 bà Trương Thị N1 (mẹ của ông Trương Kim V) hiến đất cho Ủy ban nhân dân xã P để làm trường học, việc hiến đất không thể hiện bằng văn bản giấy tờ.

Khoảng năm 1978-1979, UBND xã P xây dựng 01 lớp học và bàn giao mặt bằng cho Trường H1 (cơ sở chính) để hoạt động. Thời điểm này, UBND xã P chỉ bàn giao lớp học chứ không có bàn giao giấy tờ pháp lý về khu đất. Tên của T2 là Phân hiệu Trường mầm non P đặt tại hẻm I đường T trực thuộc Trường H1 (nay đổi tên là Trường Mầm non H1). Sau vài năm hoạt động thì T2 có xin kinh phí để sửa chữa thêm phòng học, nhà vệ sinh và cổng rào.

Như vậy, có cơ sở xác định, phần đất 894,2m^2 nêu trên có nguồn gốc của do cha mẹ ông V sử dụng, sau đó đã hiến đất cho Ủy ban nhân dân xã P để làm trường học. Ông V cho rằng khoảng năm 1983, ông V cho UBND xã P mượn đất xây dựng trường mầm non (việc cho mượn đất không lập thành văn bản) nhưng đến nay vẫn là đất trống và chưa xây dựng trường lớp nào. Ông V chỉ cho mượn đất để xây dựng trường mầm non và việc cho mượn không làm chấm dứt quyền sử dụng của ông V. Tuy nhiên, ông V không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày này. Hơn nữa, qua các thời kì, ông V cũng không kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này. Quá trình trường Mầm non P sử dụng đất liên tục trên 30 năm, có kê khai năm 2003, gia đình ông V cũng không có ý kiến tranh chấp gì mà đến năm 2014 ông V mới có đơn kiến nghị xin lại đất. Ông V cho rằng đã tiến hành đòi đất từ năm 1998 nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên trình bày của ông V là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Văn bản số 560/UBND- TNMT ngày 07/4/2014 "Vv trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" xác định kiến nghị của ông V xin lại đất là không có cơ sở giải quyết là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của ông Trương Kim V là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Trương Kim V là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Kim V. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh .

Áp dụng Điều 123, Điều 143 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2003; Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Kim V về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 560/UBND-TNMT ngày 07/4/2014 "Vv trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" của Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy các văn bản sau của ông Trương Kim V:

- Văn bản số 2263/UBND-TNMT ngày 18/07/2017 "V/v trả lời đơn kiến nghị của ông Trương Kim V" của Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Văn bản số 35/UBND-TNMT ngày 04/01/2018 "V/v trả lời đơn khiếu nại của ông Trương Kim V" của Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Văn bản số 5965/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 "V/v xử lý đơn kiến nghị của ông Trương Kim V đối với phần đất tại phường P, thành phố T" của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí:

3.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương Kim V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0003082 ngày 06/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sang thành tiền án phí. Ông V đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương Kim V được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Cục THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy